

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DSST

Ngày: 27/9/2024

“*V/v Tranh chấp lối đi
chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:
Ông Tống Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp lối đi chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 21/2024/QĐST – DS, ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: **Tổ D, Ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** – Có mặt.

2. Ông **Trần Văn H1**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: **Tổ D, Ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** – Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông **Trần Văn H1**:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: **Tổ D, Ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** – Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1971 (có mặt) và bà **Hoàng Thị C**, sinh năm 1973 (có đơn xét xử vắng mặt); Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Người phiên dịch cho bà H:
Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1959; Địa chỉ: **Tổ D, Ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai** – Có mặt.

- Người làm chứng: Ông **Hoàng Đình T1** và bà **Phan Thị H2**; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** - có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2024, B tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày: Vào năm 2021 nguyên đơn có mua thửa đất của vợ

chồng ông Hoàng Đình T1, bà Phan Thị H2, đất mua thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150, địa chỉ đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi thanh toán tiền thì nguyên đơn nhận đất để canh tác, vào năm 2022 thì nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 128096 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15/3/2022 mang tên Trần Thị H, Trần Văn H1. Nguyên đơn canh tác ổn định không tranh chấp với ai. Đến khoảng tháng 4 năm 2022 nguyên đơn phát hiện vợ chồng ông D, bà C đã lấn chiếm 232 m² diện tích đất trên của nguyên đơn, cụ thể lấn chiếm chiều ngang 4m, chiều dài 58m, đồng thời ông D đã dùng xe máy mức đất nơi lấn chiếm. Nguyên đơn đã có đơn lên UBND xã Đ đề nghị giải quyết tranh chấp đất nhưng buổi hòa giải không thành. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết buộc ông D, bà C phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm là 232 m² (Chiều ngang 4m, chiều dài 58m), thuộc thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 150, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 128096 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15/3/2022.

Ngày 16/7/2024 nguyên đơn có đơn đính chính và bổ sung thêm vào hồ sơ xin thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết tuyên trên đất không có đường đi chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ngày 17/7/2024 Tòa án tiến hành lập biên bản làm việc về việc thống nhất theo kết quả đo đạc thì nguyên đơn không đồng ý kết quả đo đạc mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp cho Tòa án ngày 09/7/2024, vì ông D đưa máy mức và chôn ống nên tạo thành đường đi, thời điểm nguyên đơn mua không có đường đi, nay ông D cho rằng có đường đi, yêu cầu ông D chứng minh về việc có đường đi và ông D tự đi mà khởi kiện, nguyên đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu ông D trả diện tích đất lấn chiếm là 232 m² như đơn khởi kiện, nay yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên trên đất không có đường đi chung, hiện trạng đất mua của ông T1 như thế nào thì y nguyên như vậy, chỉ có suối cạn và ao hồ, không có đường đi. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 19, tờ bản đồ số 150 liền kề nương suối là hành lang bảo vệ, nguyên đơn có quyền sử dụng và có trách nhiệm bảo quản, ông D không có quyền làm trên diện tích nương suối nói trên, lý do ông D không có rẫy kề cạnh nương suối trên thực địa hiện nay.

Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 17/7/2024 và Đơn đính chính và bổ sung thêm vào hồ sơ ngày 16/7/2024 của nguyên đơn, Tòa án đã ra thông báo thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện số: 02/2024/TB – TA, ngày 31/7/2024 về việc giải quyết “Tranh chấp lối đi chung” thành giải quyết tuyên trên đất không có đường đi chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2024 nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu Tòa án tuyên trên đất không có đường đi chung, hiện trạng đất nguyên đơn mua của ông T1 như thế nào thì y nguyên như vậy, chỉ có suối cạn và ao hồ, không có đường đi chung. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150 liền kề nương suối là hành lang bảo vệ, nguyên đơn có quyền sử dụng và có trách nhiệm bảo quản, bị đơn không có quyền

làm trên diện tích nương suối nói trên, lý do bị đơn không có rẫy kề cạnh nương suối trên thực địa hiện nay. Nếu bị đơn cho rằng có đường đi thì phải làm đơn khởi kiện hoặc cung cấp chứng cứ chứng minh có đường đi, yêu cầu chấm dứt các hành vi cản trở bị đơn làm trên đất của nguyên đơn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày: Vào khoảng năm 1999 bị đơn có nhận chuyển nhượng của người dân đồng bào địa phương một thửa đất có diện tích khoảng 6ha tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bị đơn tiến hành trồng trọt canh tác đất ổn định không tranh chấp với ai. Năm 2001 để thuận lợi cho việc tưới tiêu và chăm sóc cây trồng gia đình bị đơn có mở một con đường kéo thẳng từ đường đi chính xuống hồ giáp suối để tiện canh tác phần diện tích đường đi có chiều ngang 4m và chiều dài khoảng 280m, sau khi mở con đường gia đình bị đơn có chuyển nhượng một phần diện tích khoảng 1,5ha cho một người khác qua một khoảng thời gian thửa đất trên được chuyển nhượng qua nhiều chủ khác nhau nhưng các bên đều sử dụng con đường đi chung mà trước đó gia đình bị đơn đã mở không ai tranh chấp với ai, gần đây gia đình bà H và ông H1 là gia đình đã mua lại phần diện tích giáp ranh với phần diện tích đất của gia đình bị đơn (phần diện tích trên trước đó gia đình bị đơn đã chuyển nhượng cho người khác vào năm 2001) theo như bị đơn tìm hiểu và được biết mẹ con bà H, ông H1 nhận chuyển nhượng phần đất nêu trên gia đình bà ấy cho rằng diện tích đường đi giáp ranh giữa phần đất hai nhà là phần đất của gia đình bà ấy, gia đình bà ấy nhiều lần không cho gia đình bị đơn sử dụng con đường đi chung đó nữa. Trên thực tế diện tích đường đi trên do gia đình bị đơn mở vào thời điểm năm 2001 sau đó gia đình bị đơn mới thực hiện việc chuyển nhượng cho người khác, gia đình bị đơn sử dụng canh tác ổn định không tranh chấp với ai cho tới thời điểm gia đình bà H, ông H1 vào mua phần đất liền kề. Nên bị đơn yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích chiều ngang 4m chiều dài 57m, đất có tứ cận phía Đông giáp đường, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đất của bị đơn, phía Bắc giáp đất bà H và ông H1 là diện tích đường đi chung giữa hai gia đình đồng thời yêu cầu gia đình bà H, ông H1 dừng việc ngăn cản gia đình bị đơn sử dụng phần diện tích chung nêu trên.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D không đồng ý vì ông không lấn chiếm đất của bà H, ông H1 đối với diện tích đất 232 m², diện tích đất này nằm trong lòng suối và đã được sử dụng làm đường đi để tưới nước cà phê. Tại biên bản làm việc và biên bản hòa giải cùng ngày 17/7/2024 bị đơn đồng ý với kết quả đo đạc mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp cho Tòa án ngày 09/7/2024. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu đo đạc và sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh việc có đường đi chung, bị đơn sẽ có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập những người làm chứng gửi sau cho Tòa án triệu tập lên làm việc và cung cấp chứng cứ sau cho Tòa án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 17/7/2024 ông T trình bày như sau: Đối với việc mua bán đất giữa bà H, ông H1 và ông T1, bà H2

thì ông **T** không biết, không có tham gia vào việc mua bán đất. Tiền mua bán đất thì ông **T** không có chung vào với bà **H** để mua đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông thống nhất quan điểm, không có yêu cầu độc lập và không có ý kiến gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông **Hoàng Đình T1** trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2024 ông **T1** trình bày: Ông **T1** bán đất cho bà **H** thì bán theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên không ra ngoài đất bàn giao thực địa. Bà **H** mua đất của ông **D** trước, sau khi mua đất các bên gồm ông **T1**, bà **H** và ông **D** thống nhất chỉ giáp ranh giữa đất ông **D** (đã bán cho bà **H**) và ông **T1** xác định giáp ranh từ trên xuống dưới giữa hai bên rẫy, một bên là của ông **D** (đã bán cho bà **H**), một bên là của ông **T1** lấy hàng mít và muông làm mốc ranh, sau này ông **T1** bán đất cho bà **H** thì không chỉ mốc ranh nữa, vì trước đó đã thống nhất mốc ranh. Trong hợp đồng sang nhượng đất rẫy ngày 25/12/2021 có ghi rõ tài sản gắn liền trên đất như sau: Có cả phê trồng sen tiêu và sầu riêng, có nhà cấp 4 thung gỗ lập tôn, gắn liền với rẫy có hồ nước mức ở suối, dụng cụ sản xuất 01 máy nổ và dây ống cái chôn từ suối lên tới nhà, xung quanh nhà, sân, giếng nước và bồn nước nóng. Thực tế thì ông **T1** không nhớ cụ thể bao nhiêu cây cà phê chỉ nhớ trồng năm 2008, cây tiêu lúc đầu khoảng 1000 cây trồng nhiều đợt không nhớ cụ thể năm trồng, sau chết trồng sen cà dây năm 2019 vào cà phê, sầu riêng trồng năm 2019 khoảng 50 cây, sau chết bao nhiêu ông **T1** không biết. Trong hợp đồng chuyển nhượng có thể hiện hàng ranh là hàng mít và Rào B40 cọc bê tông. Khi bàn giao đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có con đường nào là đường đi chung hiện nay đang tranh chấp giữa bà **H** với ông **D**. Thực trạng khi bán đất cho bà **H** có con đường đi chung, do ông **D** làm năm 2001 hay năm nào ông **T1** không nhớ chính xác, vì 2007 ông **T1** mới vào đi làm cho ông **D** thấy đất đó đã có con đường đi. Trước khi bán đất cho bà **H**, thì con đường đi chung là của ông **D** mở ra, trước khi bán cho bà **H** thì đường đó gồm ông **D**, ông **T1** và xung quanh gồm ông **Đặng Quang T2** (nay đã bán cho người khác không biết là ai), ông **Nguyễn Văn C1** (nay đã bán cho người khác không biết là ai), ông **T1** và ông **D** sử dụng con đường đó đi lại để xuống dưới sinh kéo ống tưới nước, bón phân và chở cà phê, tiêu, còn ông **T2** có chôn ống kéo ống tưới nước cho cây và đi lại, ông **C1** chỉ đi lại ngoài ra không làm việc gì khác. Hiện nay không có con đường đi chung là do bà **H** san lấp mất con đường, san lấp lúc nào ông **T1** không biết, chỉ đứng bên rẫy bên kia nhìn qua thấy bà **H** lấp mất con đường. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **H** thì ông **T1** không có yêu cầu gì khác, vì ông **T1** đã bán đất đã bàn giao đất và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **H**, còn con đường đi chung khi bán đất cho bà **H** là có do ông **D** làm, sau này bà **H** đã san lấp mất con đường đi, còn việc các bên tranh chấp thế nào thì không liên quan tới ông **T1** và ông cũng không làm con đường đó và không dùng con đường đó để đi lại, nên yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Từ những chứng cứ và phân tích tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp lối đi chung*” giữa bà **Trần Thị H**, ông **Trần Văn H1** với ông **Nguyễn Tiến D**, bà **Hoàng Thị C** yêu cầu trả 232 m² đã lấn chiếm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là “*Tranh chấp lối đi chung*” quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông **Nguyễn Tiến D** và bà **Hoàng Thị C** có địa chỉ tại: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà **Hoàng Thị C** là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông **Trần Văn T** là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào năm 2021 nguyên đơn có mua thửa đất của vợ chồng ông **Hoàng Đình T1**, bà **Phan Thị H2**, đất mua thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150, địa chỉ đất tại **thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Sau khi thanh toán tiền thì nguyên đơn nhận đất để canh tác, vào năm 2022 thì nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 128096 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 15/3/2022 mang tên **Trần Thị H, Trần Văn H1**. Nguyên đơn canh tác ổn định không tranh chấp với ai. Cho đến khoảng tháng 4 năm 2022 nguyên đơn phát hiện vợ chồng ông **D**, bà **C** đã lấn chiếm 232m² diện tích đất

trên của nguyên đơn, cụ thể lấn chiếm chiều ngang 4m, chiều dài 58m, đồng thời ông **D** đã dùng xe máy mức đất nơi lấn chiếm. Nguyên đơn đã có đơn lên **UBND xã Đ** đề nghị giải quyết tranh chấp đất nhưng buổi hòa giải không thành. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giải quyết buộc ông **D**, bà **C** phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm là 232m² (Chiều ngang 4m, chiều dài 58m), thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 128096 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 15/3/2022.

Ngày 16/7/2024 nguyên đơn có đơn đính chính và bổ sung thêm vào hồ sơ xin thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giải quyết tuyên trên đất không có đường đi chung.

[3]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **H** và ông **H1**, Hội đồng xét xử nhận định: Các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định thửa đất số 19, tờ bản đồ số 150, diện tích 15.826m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 937347 mang tên **Hoàng Đình T1** và **Phan Thị H2**, nay đã được cấp lại cho bà **Trần Thị H** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 128096, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 15/3/2022 thì tại biên bản làm việc với địa chính xã **Đ** ngày 19/9/2024 nội dung xác định bản đồ địa chính hiện trạng thửa đất trên không có con đường nào là con đường đi chung nằm phía dưới thửa đất trên giáp suối cạn và mương nước và cũng không có con đường nào khác đi qua thửa đất trên là con đường đi chung, có kèm theo bản đồ địa chính đối với thửa đất trên và các thửa đất liền kề. Phù hợp với lời khai của ông **T1** và kết quả đo đạc thì diện tích đất 232 m² nguyên đơn tranh chấp không nằm trong Giấy chứng nhận của nguyên đơn, đất thuộc lòng suối nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Đối với ý kiến của ông **D** yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích chiều ngang 4m chiều dài 57m, đất có tứ cận phía Đông giáp đường, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đất của bị đơn, phía Bắc giáp đất bà **H** và ông **H1** là diện tích đường đi chung giữa hai gia đình đồng thời yêu cầu gia đình bà **H**, ông **H1** dừng việc ngăn cản gia đình bị đơn sử dụng phần diện tích chung nêu trên. Tuy nhiên đối với vụ án này bị đơn không có đơn phản tố, bị đơn lại có đơn khởi kiện bà **H** và ông **H1** trong một vụ án khác để tranh chấp lối đi chung nên không xem xét giải quyết.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích và nhận định trên có đủ cơ sở để kết luận: Yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị H**, ông **Trần Văn H1** đối với ông **Nguyễn Tiến D**, bà **Hoàng Thị C** là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp lối đi chung*” của bà **Trần Thị H**, ông **Trần Văn H1** đối với ông **Nguyễn Tiến D**, bà **Hoàng Thị C**.

[7]. Về chi phí tố tụng: Xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lòng ghép đất: Bà **Trần Thị H** đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng. Tổng chi hết số tiền 7.000.000 đồng, số tiền còn thừa là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà

Trần Thị H và ông Trần Văn H1 không được chấp nhận nên bà H, ông H1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lòng ghép đất theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền còn thừa là 3.000.000 đồng đã hoàn trả lại cho bà H.

[8]. Về án phí: Đối với tranh chấp giữa bà H, ông H1 với ông Nguyễn Tiến D, bà Hoàng Thị C là tranh chấp lỗi đi chung không có giá ngạch và do yêu cầu khởi kiện bà H, ông H1 không được chấp nhận nên bà H, ông H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0004027 ngày 26/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, ông Trần Văn H1 đối với ông Nguyễn Tiến D, bà Hoàng Thị C yêu cầu trả diện tích đã lấn chiếm 232 m² (theo mảnh trích đo ngày 07/9/2024 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

2. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H và ông Trần Văn H1 không được chấp nhận nên bà H, ông H1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lòng ghép đất theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền còn thừa là 3.000.000 đồng đã hoàn trả lại cho bà H.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H, ông Trần Văn H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004027 ngày 26/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
TRẦN ĐÌNH MINH